TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 26-11-2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 278/2018/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị Thu L; sinh năm 1990
HKTT: thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Trú tại: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:* anh Võ Văn P; sinh năm 1985
Nơi cư trú: thôn B (nay là thôn Đ1) , xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh P đã yêu và chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 02/01/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân từ năm 2011 anh P đi chấp hành án đến năm 2016 thì anh P quay về, sau khi chấp hành án trở về anh P cũng không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, giữa chị và anh P nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh P sống ly thân L tục từ năm 2011 khi anh P đi chấp hành án đến năm 2016 anh P trở về, chị và anh P không sống với nhau,khi anh P quay về chị và anh P cũng không gặp nhau. Từ năm 2016 đến nay chi và anh P sống ly thân L tục cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh P. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung là Võ Thị Thu T, sinh ngày 24/7/2011; Nguyện vọng của chị L là sau khi ly hôn chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T Lý do từ khi anh P đi chấp hành án cho đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh P đã được Tòa án thực hiện thủ tục cấp,tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, anh P không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án vì vậy Tòa án không tiến hành ghi lời khai của anh P cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn P có nơi cư trú tại: thôn Đ1 , xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thu L và anh Võ Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện B tỉnh Bình Phước vào ngày 02/01/2009, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình

năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thu L và anh Võ Văn P là hợp pháp.

Theo các biên bản lời khai có trong hồ sơ vụ án thì giữa chị L, anh P có mâu thuẫn như vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị L và anh P đã sống ly thân một khoảng thời gian, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh anh P và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P. Bị đơn anh P đã được Tòa án thực hiện thủ tục cấp,tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như vậy anh P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh P không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Thể hiện qua việc anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian dài. Như vậy, chị L và anh P đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; Đối chiếu với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ chị L và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chị L yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị và anh P có 01 người con chung là Võ Thị Thu T, sinh ngày 24/7/2011; Nguyện vọng của chị L sau khi ly hôn chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Lý do từ khi anh P đi chấp hành án cho đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về việc người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn *".....nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con."* Căn cứ biên bản lời khai cháu Võ Thị Thu T sinh ngày 24/7/2011 thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Huỳnh Thị Thu L, hiện nay cháu vẫn đang ở với mẹ là chị L. Vì vậy, cần tôn trọng ý kiến của cháu T và đảm bảo sự ổn định cho việc học tập cũng như sự P triển toàn diện của cháu T nên cần giao cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáp dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu L. Chị Huỳnh Thị Thu L được ly hôn với anh Võ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thu T, sinh ngày 24/7/2011cho chị Huỳnh Thị Thu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

4. Về tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0022161 ngày 29/6/2018.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (Thị Toánrấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà